TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/ HNGĐ- ST
Ngày 28/7/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hứa Thị Hương

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng Nga - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 26A/2023/QĐ-TA ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố H.

Bị đơn: Anh Vũ Huy K, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Chị N, anh K đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn trình bày:

Chị và anh K kết hôn ngày 19 tháng 10 năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh H. Trước khi kết hôn, anh chị có thời gian tự do tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện đi đến kết hôn. Anh chị có được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị về

chung sống tại gia đình nhà anh K. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 3 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tìm hiểu nhau kĩ, khi về sinh sống phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Anh K mải chơi, không tu chí làm ăn, gây nợ nần nhiều. Vì thế, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xích mích về chuyện tiền nong. Kể từ tháng 1 năm 2021, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, huyện A, thành phố H sinh sống. Anh K bỏ mặc, không liên lạc và tìm đón chị về. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết đề nghị Tòa án được ly hôn anh K.

Về con chung và tài sản chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh K đã được Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử nhưng anh K không có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án và không trình bày quan điểm ý kiến.

Qua xác minh với trưởng thôn V, xã Đ, anh Vũ Hùng C- anh trai anh K thể hiện: Chị N và anh K có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới, anh chị chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau thời gian ngắn tại thôn V, xã Đ, huyện K, tỉnh H. Nguyên nhân là do có dư luận anh K là người nghiện ngập, chơi bời, không tu chí làm ăn tại địa phương. Việc sinh sống với anh K không có tương lai. Vì thế, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Nay chị N xin ly hôn anh K đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị N và anh K đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 217; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Vũ Huy K. Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị N khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Huy K có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện K, tỉnh H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Chị N là nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt; anh K là bị đơn, không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt chị N, anh K.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Vũ Huy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Anh chị có thời gian ngắn sinh sống hòa thuận hạnh phúc thì đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tìm hiểu nhau không kĩ. Trong quá trình sinh sống, anh K không tu chí làm ăn, không chăm sóc gia đình mà mải chơi, gây nợ nần nhiều và có dư luận xấu tại địa phương. Kể từ tháng 1 năm 2021, anh chị đã sống ly thân, không còn liên lạc, quan tâm chăm sóc nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đã bỏ mặc nhau không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

[2.3]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.4]. Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 217; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Vũ Huy K.

- Về con chung: Không có, không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ: Không đặt ra giải quyết

Về án phí: Chị Trần Thị N phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên

lai thu số AA/2021/0003040 ngày 20/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kim Thành;
- UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương